

Số: 63/2021/QĐST- DS

K, ngày 02 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* **1. Bà Đào Thị Linh C**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 85/1 L, phường B, quận K, thành phố T.

2. Bà Phạm Thị Phụng N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 91/100 C1, phường H, quận K, thành phố T.

3. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963

Địa chỉ: 233/59 C1, phường H, quận K, thành phố T.

Bà H1 ủy quyền cho bà Đào Thị Linh C (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/4/2021).

** Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị Bảo Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 233/59C C1, phường H, quận K, thành phố T.

2. Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 233/59D5 C1, phường H, quận K, thành phố T.

Bà Bảo Q ủy Q ủy quyền cho bà Phạm Thị B1 (hợp đồng ủy quyền ngày 19/4/2021).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị B1, bà Phạm Thị Bảo Q, bà Đào Thị Linh C, bà Phạm Thị H1 và bà Phạm Thị Phụng N thống nhất thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thống nhất công nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể:

1. Thống nhất chuyển nhượng và công nhận QSDĐ cho bà Đào Thị Linh C diện tích đất là 65,5m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần C (theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021), đất thuộc một phần của thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 439994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T.

2. Thống nhất chuyển nhượng và công nhận QSDĐ cho bà Phạm Thị Phụng N diện tích đất là 49,2m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần E (theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021), đất thuộc một phần của thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 439994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T.

3. Thống nhất công nhận QSDĐ riêng cho bà Phạm Thị H1 diện tích đất là 92,3m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần D (theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021), đất thuộc một phần của thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 439994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T.

4. Thống nhất công nhận QSDĐ riêng cho bà Phạm Thị Bảo Q diện tích đất là 66,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần B (theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021), đất thuộc một phần của thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 439994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T.

5. Thống nhất công nhận QSDĐ riêng cho bà Phạm Thị B1 diện tích đất còn lại là 140,7m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần A (theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021), đất thuộc một phần của thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 439994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T.

(kèm theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021 của Trung tâm kỹ thuật – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố T).

Bà Phạm Thị B1, bà Phạm Thị Bảo Q, bà Đào Thị Linh C, bà Phạm Thị H1 và bà Phạm Thị Phụng N được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 565, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐ số CX 49994 (số vào sổ cấp GCN: CH08405) do UBND quận K cấp ngày 29/01/2021, địa chỉ thửa đất tại Hẻm 42 đường C1, phường H, quận K, thành phố T để đứng tên riêng cho:

- Bà Đào Thị Linh C – diện tích là 65,5m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần C *(theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021).*

- Bà Phạm Thị Phụng N – diện tích là 49,2m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần E *(theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021)*

- Bà Phạm Thị H1 – diện tích là 92,3m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần D *(theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021)*

- Bà Phạm Thị Bảo Q – diện tích là 66,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần B *(theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021).*

- Bà Phạm Thị B1 – diện tích là 140,7m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) – Phần A *(theo bản trích đo địa chính số 94/TTKTTNMT ngày 08/7/2021).*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà B1, bà Q mỗi người phải chịu án phí tiếp tục thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng/người nhưng nguyên đơn bà C, bà N tự nguyện nộp thay cho 02 bị đơn. Nguyên đơn bà Đào Thị Linh C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 003770 ngày 18 tháng 3 năm 2021 và bà Phạm Thị Phụng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 003771 ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại C cục thi hành án dân sự quận K, thành phố T được chuyển thành án phí. Về án phí công nhận quyền sở hữu tài sản bà Phạm Thị Bảo Q phải chịu là 415.625 đồng; bà Phạm Thị B1 phải chịu án phí là 879.375 đồng nhưng do có đơn xin miễn án phí vì bà B1 là người cao tuổi nên bà B1 không phải chịu án phí đối với phần án phí Ca tài sản chung và bà Phạm Thị H1 phải chịu là 576.875 đồng. Bà Phạm Thị H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 003769 ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại C cục thi hành án dân sự quận K, thành phố T được chuyển thành án phí, bà H1 còn phải nộp tiếp 276.875 đồng án phí sơ thẩm.

Về C phí tố tụng là 7.000.000 đồng, nguyên đơn bà Đào Thị Linh C tự nguyện

nộp hết, bà C đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG